

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2023

“V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình
ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải
Ông Ngô Quốc Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoàng Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vào ngày 27/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2023/TLST-HNGĐ ngày 07/8/2023, về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 343/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 264/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Bích T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Tổ A, Khóm B, Phường 11, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị Bích T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2013, chị T và anh H được cha mẹ hai bên tổ chức tiệc cưới theo truyền thống để trở thành vợ chồng. Chị và anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp số 08 ngày 09/3/2016. Sau khi cưới, chị T về làm dâu, sinh sống cùng gia đình anh H. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, có 02 người con. Tuy nhiên, vài năm sau đó vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm. Anh H không có trách nhiệm lo cho vợ con, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn chơi, cờ bạc nên mắc nợ. Chị T phải đi vay mượn trả nợ.

Thời gian gần đây anh H thường bỏ nhà đi chơi đêm về nhà thì gây chuyện với chị và đòi thôi chị không sống chung, nên cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Chị T thấy cuộc sống gia đình không thể kéo dài hơn được nữa và cũng không thể nào hàn gắn được nên đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống khoảng 4 tháng nay. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên là Huỳnh Ngọc Th, sinh ngày 05/8/2015 và Huỳnh Ngọc Th1, sinh ngày 03/5/2018. Hiện nay cháu Th đang sống chung với chị, còn cháu Th1 đang sống chung với anh H. Chị T nhận thấy cháu Th1 mến cha, không muốn sống với chị, nên chị T yêu cầu được nuôi cháu Huỳnh Ngọc Th, còn cháu Huỳnh Ngọc Th1 thống nhất để anh H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Anh Huỳnh Văn H không gửi văn bản ý kiến, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Bích T yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn H, yêu cầu được nuôi con chung; Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con. Bị đơn Huỳnh Văn H có địa chỉ tại xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H do chị T trình bày là trên cơ sở tự nguyện, có quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 5 tháng trước khi kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Ngãi, thành phố Cao Lãnh (số đăng ký 08 ngày 09/3/2016), nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh Phong.

Chị T trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm, do anh H chỉ lo theo bạn bè đi chơi, cờ bạc, gây nợ nên chị T phải vay để trả nợ cho anh H. Anh H cũng không phụ giúp chị trong việc chăm lo con cái, kinh tế gia

đình....Trong thời gian sống ly thân, anh H cũng không liên lạc, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm với chị. Hiện nay, chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích xây dựng gia đình không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Đối với anh H, Tòa án đã triệu tập, gửi các văn bản tố tụng, nhưng anh H không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Điều này chứng tỏ anh H bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình, không thể hiện thiện chí để đoàn tụ gia đình với chị T.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình..."*

Tuy nhiên, theo như chị T trình bày cho thấy giữa chị T và anh H có nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, anh H không thể hiện được trách nhiệm của mình trong gia đình, không quan tâm, chăm sóc gia đình, cùng với chị T xây dựng gia đình hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân 4 tháng nay, nhưng cả hai vẫn không tìm được cách để dung hòa, hàn gắn tình cảm. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, đời sống chung của vợ chồng chị T, anh H không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, nên căn cứ theo Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung của chị T và anh H là cháu Huỳnh Ngọc Th, sinh ngày 05/8/2015 và Huỳnh Ngọc Th1, sinh ngày 03/5/2018. Theo chị T thì trình bày, hiện nay cháu Th đang sống chung với chị T, còn cháu Th1 đang sống chung với anh H

Hội đồng xét xử xét thấy, chị T đang nuôi dưỡng cháu Th, cháu Th cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ. Còn cháu Th1 đang sống ổn định cùng với anh H, theo chị T trình bày cháu Th1 mến cha, cháu đang sống cùng với cha nên chị cũng thống nhất anh H được tiếp tục nuôi cháu Th1.

Hội đồng xét xử xét thấy, để ổn định cho cuộc sống của các cháu, tiếp tục giao cháu Huỳnh Ngọc Th cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Giao cháu Huỳnh Ngọc Th1 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng.

Đối với tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T và anh H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] **Án phí:** Chị T phải chịu 300.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân

và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị Bích T.

- Chị Đỗ Thị Bích T được ly hôn với anh Huỳnh Văn H.

2/ Về con chung:

Giao con chung là Huỳnh Ngọc Th, sinh ngày 05/8/2015 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Giao con chung là Huỳnh Ngọc Th1, sinh ngày 03/5/2018 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị T và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Đỗ Thị Bích T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012725 ngày 07/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- Đường sự;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục THADS TPCL;
- UBND xã M, thành phố Cao Lãnh, (Số 08, ngày 09/3/2016);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Hồng

